TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 452/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2024; giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Công ty L1 và cộng sự. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ : Số B, ngõ D, D, M, Cầu G, Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1985 ; Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Chị L, anh Đ, anh T1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2010 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị L về sinh sống cùng gia đình anh T1, vợ chồng sinh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2015, chị L đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc nhưng sau hơn 1 năm thì cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ1, sinh

ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013; hiện hai cháu đang do anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị N cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Văn Đ1 cho anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L đề nghị Tòa án lấy ý kiến của các con, trường hợp hai con đề nghị ở cùng bố thì chị tôn trọng ý kiến của hai con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1 số tiền 2.000.000đ/01 tháng/01 cháu cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh và chị L kết hôn ngày 08/01/2010 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; sau khi kết hôn chị L về sinh sống cùng gia đình anh, vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Đến năm 2015, chị L đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc nhưng sau hơn 1 năm thì cắt đứt liên lạc, không quan tâm, không hỏi han đến nhau. Nay chị L có quan điểm xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013; hiện hai cháu đang do anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị N cho chị L, giao con Nguyễn Văn Đ1 cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh không đồng ý vì từ khi đi Đài Loan đến nay chị L không liên lạc, không hỏi han và cũng không chu cấp cùng anh nuôi con. Một mình anh chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. Anh đề nghị Tòa án giao 02 con cho anh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Anh T1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, nếu chị L tự nguyện cấp dưỡng thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung, anh nhất trí.

Cháu Đ1 và cháu N có quan điểm xin được ở cùng bố Nguyễn Văn T1.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị L được ly hôn anh T1; giao con chung Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/01 con kể từ tháng 11/2024 cho đến khi con chung trưởng thành; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Nguyên đơn chị L hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xóm B, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 08/01/2010 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị L về sinh sống cùng gia đình anh T1, thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2015, chị L đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng sau hơn 1 năm thì cắt đứt liên lạc, không quan tâm, không hỏi han đến nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Anh T1 cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013; hai cháu đang do anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng từ khi chị L đi Đài Loan đến nay. Chị L có quan điểm giao cháu N cho chị và giao cháu Đ1 cho anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng, tuy nhiên đề nghị Tòa án hỏi quan điểm của hai cháu ở cùng ai, chị tôn trọng ý kiến của hai con. Anh T1 có quan điểm từ khi chị L đi Đài Loan 2015 đến nay anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 con, hai cháu phát triển và học tập tốt; anh không đồng ý giao cháu N cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng vì chị L hiện không có mặt tại Việt Nam. Cháu Đ1 và cháu N đều có quan điểm ở cùng bố. Do vậy, không chấp nhận đề nghị giao cháu Nguyễn Thị N cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định và theo nguyện vọng của cháu Đ1, cháu N; cần giao cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013 cho anh Nguyễn Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1 số tiền 2.000.000đ/01 tháng/01 con kể từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi cháu Đ1, cháu N đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 13/2/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/10/2013 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1 với số tiền 2.000.000đ/01 tháng/01 con kể từ tháng 11/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005121 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L còn phải nộp 300.000đ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến